

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/DS-ST
Ngày: 29-9-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Ánh** và ông **Phan Thành Đông**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thanh Thùy** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị L** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 208/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2025/QĐST-DS ngày 11/9/2025 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị H** - sinh năm 1948

Nơi cư trú: ấp Ngọc Lâm 3, xã T (xã X, huyện Tân Phú cũ), tỉnh Đồng Nai.

- ***Người đại diện theo ủy quyền bà H :*** ông **Trần Văn Th** - sinh năm 1991 (theo giấy ủy quyền ngày 23 tháng 6 năm 2025)

Nơi cư trú: ấp 1, xã Gia Canh, (xã Gia Canh, huyện Định Quán cũ), tỉnh Đồng Nai.

- ***Bị đơn:*** Bà **Trần Thị Hồng Q** - sinh năm 1975

Nơi cư trú: tổ 4, ấp 3, xã T (xã Phú Xuân, huyện Tân Phú cũ), Đồng Nai.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan:***

+ Ông **Nguyễn Hoàng L** – sinh năm 1965

Nơi cư trú: tổ 4, ấp 3, xã T (xã Phú Xuân, huyện Tân Phú cũ), tỉnh Đồng Nai.

+ Chị **Nguyễn Thị Quỳnh Tr** – sinh năm 2005

Nơi cư trú: tổ 4, ấp 3, xã T (xã Phú Xuân, huyện Tân Phú cũ), tỉnh Đồng Nai.

(anh Thượng có đơn xin vắng mặt, bà Q , ông L , chị Tr vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời khai của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử như sau:

Bà H và bà Q có quen biết nhau nên bà H có cho bà Q vay tiền để làm ăn và xoay sở kinh tế gia đình. Vào ngày 17/5/2025, bà H cho bà Q vay số tiền 150.000.000 đồng, khi cho vay tiền hai bên có viết giấy vay theo mẫu do bà H đã soạn sẵn có nội dung “BẢN THỎA THUẬN VAY MƯỢN”, chữ viết trong bản thỏa thuận là của chị Nguyễn Thị Quỳnh Tr con gái của bà Q viết, còn tại mục bên A (bên đề nghị vay) là có chữ ký và dấu vân tay của bà Q tự tay ký và điểm chỉ. Bản thỏa thuận vay mượn không thỏa thuận thời gian trả và lãi suất, mục đích vay là buôn bán phế liệu cho gia đình.

Bà H khẳng định số tiền cho bà Q, ông L vay là tài sản riêng của bà H không L quan gì chồng bà ông Đinh Văn Khấn, do bản thỏa thuận vay bà đã soạn sẵn nên mới có tên ông Khấn trong bản thỏa thuận vay mượn, việc này ông Khấn cũng đó có bản tự khai khẳng định số tiền bà H cho bà Q, ông L vay là tài sản riêng của bà H và đề nghị không đưa ông Khấn vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại “BẢN THỎA THUẬN VAY MƯỢN” có ghi tên chị Nguyễn Thị Quỳnh Tr là người bảo lãnh, do chị Tr là con gái của bà Q và đi cùng với bà Q nên bà có yêu cầu chị Tr ký với tư cách là người làm chứng nhưng do bản thỏa thuận vay mượn bà H soạn sẵn không có mục người làm chứng nên chị Tr đã viết tên và ký vào mục người bảo lãnh. Bà H xác định chị Tr không L quan gì đến việc vay mượn tiền giữa bà Q và bà H. Bà H cũng không yêu cầu chị Tr có nghĩa vụ PH trả nợ cho bà H theo như nội dung ghi tại Điều 3 của “BẢN THỎA THUẬN VAY MƯỢN”.

Tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu bà Trần Thị Hồng Q và ông Nguyễn Hoàng L có nghĩa vụ L đới trả cho bà H số tiền nợ gốc đã vay 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi.

Trong trường hợp, bà Q và ông L không trả cho bà H số tiền đã vay 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) thì yêu cầu Tòa án giải quyết “Hợp đồng thế chấp tài sản” giữa bên thế chấp bà Trần Thị Hồng Q và bên nhận thế chấp (Nguyễn Thị H) có hiệu lực pháp luật. Xử lý đối với tài sản bảo đảm là phát mãi đối với Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 24 bản đồ địa chính xã Phú Xuân (Đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hoàng L và bà Trần Thị Hồng Q số CA 226297 ngày 18/5/2015) là tài sản bảo đảm cho khoản với số tiền vay 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngày 01/7/2025, bà H nộp đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số CA 226297 ngày 18/5/2015 thuộc thửa đất số 124 tờ bản đồ số 24 tại xã Phú Xuân cũ (xã Tân Phú, tỉnh Đồng Nai) đứng tên Nguyễn Hoàng L, Trần Thị Hồng Q.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà Q, ông L có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ vay là 150.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác

Bị đơn bà Trần Thị Hồng Q : Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà Q vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của bà Q .

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan ông L : Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông L vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của ông L .

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án:

+ Về trách nhiệm thanh toán nợ: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn bà Trần Thị Hồng Q , ông Nguyễn Hoàng L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Trần Thị Hồng Q , ông Nguyễn Hoàng L pH có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

+ Về án phí: Đề nghị buộc bà Trần Thị Hồng Q pH chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Các đương sự trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Hồng Q , ông Nguyễn Hoàng L trả số tiền nợ vay theo “BẢN THỎA THUẬN VAY MƯỢN”, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp

đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Trần Thị Hồng Q có nơi cư trú tại xã Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn; bà Trần Thị Hồng Q là bị đơn, ông Nguyễn Hoàng L là người có quyền lợi nghĩa vụ L quan trọng vụ án.

Chị Nguyễn Thị Quỳnh Tr có ký vào mục người bảo lãnh trong “BẢN THỎA THUẬN VAY MƯỢN” ngày 27/5/2025 nhưng bà H khẳng định chị Tr chỉ là người đi cùng và ký mục đích để làm chứng không yêu cầu chị Tr có nghĩa vụ L đối trả nợ, không yêu cầu đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án. Do đó việc vay mượn tiền giữa bà Q và bà H không L quan đến chị Tr. Việc chị Tr vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích của chị Tr và xác định không đưa chị Tr tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ L quan trọng vụ án.

[1.5] Về thời hiệu khởi kiện: “bản thỏa thuận vay mượn” giữa các đương sự được xác lập vào ngày 27/5/2025. Căn cứ Điều 184 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 149, Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của bà H vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.6] Về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện:

- Ngày 01/7/2025, nguyên đơn bà H có đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số CA 226297 ngày 18/5/2015 thuộc thửa đất số 124 tờ bản đồ số 24 tại xã Phú Xuân cũ (xã Tân Phú, tỉnh Đồng Nai) đứng tên Nguyễn Hoàng L, Trần Thị Hồng Q. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các vấn đề nêu trên là quyền và sự tự nguyện của nguyên đơn. Do đó Tòa án chấp nhận và đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1.7] Về yêu cầu phản tố: Bị đơn không có yêu cầu phản tố nên không xem xét.

[2] Về đường lối giải quyết vụ án:

[2.1] Về tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

Nguyên đơn cung cấp “bản thỏa thuận vay mượn” có ghi họ tên “Trần Thị Hồng Q” còn vay số tiền 150.000.000đ, mục đích vay là buôn bán phế liệu cho gia đình. Tòa án đã thông báo cho hợp lệ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho bị đơn nhưng bị đơn không cung cấp lời khai và tài liệu chứng gì không thắc mắc khiếu nại gì về trình tự thu thập, nên các tài liệu chứng cứ trong vụ án được thu thập theo trình tự hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H :

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Hồng Q, ông Nguyễn Hoàng L trả số tiền nợ vay là 150.000.000đồng. Chứng minh cho

yêu cầu khởi kiện, bà H cung cấp chứng cứ là “bản thỏa thuận vay mượn” có ghi họ tên “Trần Thị Hồng Q” vay số tiền 150.000.000 đồng”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Hồng Q, ông Nguyễn Hoàng L không cung cấp lời khai và tài liệu chứng cứ gì để phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Do đó, căn cứ các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự 2015 xác định bà Trần Thị Hồng Q, ông Nguyễn Hoàng L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó bà Q, ông L pH có trách nhiệm trả khoản tiền vay còn nợ cho bà H số tiền 150.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.3] Về nợ lãi: nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nghĩa vụ trả nợ của bà Trần Thị Hồng Q, ông Nguyễn Hoàng L: xét thấy “bản thỏa thuận vay mượn” đề ngày 27/5/2015 ghi mục đích vay để buôn bán phế liệu, qua xác minh tại địa phương thể hiện thực tế bà Q, ông L có buôn bán phế liệu nên nghĩa vụ trả nợ cho bà H là nghĩa vụ L đối của vợ chồng bà Q, ông L.

[2.5] Đối với chị Nguyễn Thị Quỳnh Tr là người ký tại mục bảo lãnh, bà H khẳng định việc chị Tr ký tên trong “bản thỏa thuận vay mượn” thực chất là người làm chứng, chị không L quan gì, bà H không yêu cầu chị Tr có nghĩa vụ trả nợ cho bà H. Do đó Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận nên buộc bà Trần Thị Hồng Q, ông Nguyễn Hoàng L pH chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án tạm ứng án phí, án phí Tòa án nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về cơ bản phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 68, 91, 147, 184, 227, 228, 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 149, 357, 463, 464, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp quyền sử dụng đất số CA 226297 ngày 18/5/2015 thuộc thửa đất số 124 tờ bản đồ số 24 tại xã Phú Xuân, huyện Tân Phú cũ (nay là xã Tân Phú, tỉnh Đồng Nai) đứng tên Nguyễn Hoàng L , Trần Thị Hồng Q của bà Nguyễn Thị H .

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Trần Thị Hồng Q , ông Nguyễn Hoàng L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Thị Hồng Q , ông Nguyễn Hoàng L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ vay là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Hồng Q , ông Nguyễn Hoàng L pH chịu là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án tạm ứng án phí, án phí Tòa án nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 8 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Trần Văn Tuấn

